

PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT HỮU THỈNH TRONG THƠ VÀ TRƯỜNG CA

TRẦN ĐĂNG SUYỀN^{*)}

Khi bàn về phong cách nghệ thuật của một nhà văn, tức là đã khẳng định cây bút đó thực sự có tài, có cách nhìn riêng mang tính chất phát hiện về con người và cuộc sống qua những hình tượng nghệ thuật độc đáo, đầy ám ảnh, đem đến cho người đọc những khoái cảm nghệ thuật. Trong nền thơ đương đại Việt Nam, Hữu Thỉnh là nhà thơ có phong cách nghệ thuật độc đáo. Hữu Thỉnh thuộc thế hệ các nhà thơ thời kỳ chống Mỹ. Anh được bạn đọc chú ý khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào hồi kết, nổi danh với bài thơ *Chuyến đò đêm giáp ranh* và trường ca *Sức bền của đất* được tặng giải A cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ* năm 1975 - 1976. Thế nhưng, những đóng góp quan trọng nhất của Hữu Thỉnh cho nền thơ hiện đại Việt Nam chủ yếu là những sáng tác được viết sau năm 1975, trong đó có những trường ca, như lời anh thổ lộ, chúng được “nung nấu bắt đầu từ những năm cuối của cuộc chiến tranh chống Mỹ”. Là con đẻ của thời đại chống Mỹ, cố nhiên nhiều bài thơ và trường ca của Hữu Thỉnh mang âm hưởng chung, in dấu ấn của thơ thời kỳ này, mang khuynh hướng sử thi với cảm hứng chủ đạo là *cảm hứng về đất nước, nhân dân*. Từ tập thơ *Thư mùa đông* (1994), ngòi bút Hữu Thỉnh chuyển hẳn sang khuynh hướng thế sự, đời tư; *cảm hứng về con người và cõi người* trở thành cảm hứng chủ đạo trong thơ anh. Với hai nguồn cảm hứng lớn nói trên, có thể nói, những sáng tác tiêu biểu của Hữu Thỉnh luôn đồng hành với sự vận động và phát triển của nền thơ hiện đại Việt Nam.

Là nhà thơ tài năng, những sáng tác của Hữu Thỉnh không chỉ in bóng thời đại mà nó ra đời mà còn in đậm cá tính sáng tạo và phong cách nghệ thuật độc đáo của anh. Thơ và trường ca Hữu Thỉnh không chỉ góp phần

^{*)} GS.TS - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

tạo nên tiếng nói chung của thời đại mà còn là, chủ yếu là tiếng nói riêng của nhà thơ. Có được điều đó, một phần là do Hữu Thịnh sớm nhận ra, nhận ra một cách sâu sắc bản chất của sự sáng tạo nghệ thuật. Năm 1981, Hữu Thịnh viết trong bài *Sự chuẩn bị của người viết trẻ*: “Cùng với việc khám phá ra bản chất của đời sống, mỗi người viết tự khám phá ra chính mình (...). Khám phá ra mình là khám phá ra cái đặc sản của tâm hồn mình, là khám phá ra cái khả năng không lặp lại ở người khác, và như thế khám phá ra mình là khám phá ra thơ¹. Gần ba mươi năm sau, năm 2009, trong bài *Viết thêm về bài thi ra trường*, Hữu Thịnh bổ sung và nói sâu hơn: Tự phát hiện, tự khám phá ra chính bản thân mình, “đó là quá trình phát hiện, khám phá và chạm khắc dấu ấn cá nhân, một công đoạn khó nhất của nghề viết văn (tôi nhấn mạnh - T.Đ.S)”². Vừa phải nhận ra mình, vừa phải thật tinh táo, đẩy bản lĩnh để thoát ra khỏi những cái bóng, những đỉnh cao đã có: “Đời chẳng dễ dàng đâu/ Sau bao nhiêu lời chúc/ Ta chẳng dễ dàng đâu/ Sau bao người đi trước” (*Trường ca biển*). Như vậy, Hữu Thịnh nhận thức đúng đắn rằng, tạo cho mình một phong cách nghệ thuật là một vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với người cầm bút.

Ý thức nghệ thuật nói trên thấm nhuần trong sáng tác thơ ca của Hữu Thịnh. Và cùng với ý thức sáng tạo đó, bằng tài năng nghệ thuật (điều này mới thực sự quan trọng), Hữu Thịnh đã tạo được cho mình một phong cách nghệ thuật riêng. Dù viết về đề tài nào, thơ và trường ca Hữu Thịnh đều thể hiện một cái nhìn nhân bản, sâu sắc về con người và cuộc đời, chạm được vào cái bản chất của đời sống, xoáy vào nỗi buồn, sự cô đơn, cái bi kịch của con người trong nhiều hoàn cảnh. Viết về đề tài chiến tranh, vượt thoát khỏi cái ồn ào của khuynh hướng sử thi, Hữu Thịnh ít nói đến những chiến công vang dội, khí thế hào hùng (những bài thơ mang giọng điệu sôi nổi, hùng tráng như bài *Năm anh em* xuất hiện không nhiều) mà chủ yếu nói đến chông chênh những gian khổ, sức chịu đựng phi thường, nỗi buồn và sự cô đơn thấm đẫm bi kịch của con người trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Anh xúc động khi nói về nhân dân: “Ôi nhân dân! Tấm lá chắn diệu kỳ/ người nhận mọi vết xăm cho căn hầm nguyên vẹn/ người thâm trầm như đêm/ người tinh nhạy như đêm/ người kéo co giành giật lại đôi kèo/ tay bện thêm dây/ chân chôn thêm cọc/ ghìm lại đất”; “Nhân dân/ vẫn nguyên vẹn nhân dân/ răng hạt lựu không cam đồng hóa”; “nhân dân chia mình ra các đảo/ làm vệ tinh/ yên dạ những con tàu” (*Đường tới thành phố*). Anh phác họa

chân dung người Tư lệnh: “hai mươi năm anh khó nhận ra mình/ người trong ánh bầy giờ là Tư lệnh/ khoảng cách giữa anh và bức ảnh/ có bao quãng đường những bà mẹ tiễn con/ có lầy lội quãng đường sau rút Huế/ có bản khoán trước hứa hẹn chưa thành”, nói lên nỗi buồn đau của người Tư lệnh: “tôi hiểu vì sao anh đã khóc/ trong một sáng giao ban/ - tiểu đoàn thồ chẳng có gì thồ cả/ cú đói ròn con gái hóa con trai/ cảm ơn ngọn rau dựng người ốm dậy/ cảm ơn con suối, cảm ơn bờ khe/ con tép chết bom từ bên ngược trôi về/ nếu không đói không thể nào vớt được” (*Đường tới thành phố*). Anh nói về người xạ thủ trung liên: “anh đi hái rau và đôi khi lại vấp/ anh còn lại sau những lần thay quân/ sau những lần hổ vồ/ sau những lần voi đuổi/ sau bữa canh nấm độc cào gan/ giặc đổ quân vào hậu cứ sư đoàn/ hất anh qua biên giới/ thềm một chỗ ngồi thư thả bóc măng” (*Đường tới thành phố*). Anh nói thật xúc động nỗi đau vô hạn của mình khi tìm thấy nấm mồ của người anh ruột: “anh ở đây mà em mãi đi tìm/ em hy vọng để lấy đà vượt dốc/ Tân Cảnh/ Sa Thầy/ Đắc Pét/ Đắc Tô/ em đã qua những cơn sốt anh qua/ em đã gặp trận mưa rừng anh gặp/ vẫn không ngờ có một trưa Phan Thiết/ em một mình đứng khóc ở sau xe” (*Phan Thiết có anh tôi*). Anh nói đầy ấn tượng về nỗi nhớ người yêu của người lính trẻ: “Anh nhớ em như cơn mưa tích nước/ Cứ chực òa chỉ một có không đâu” (*Sức bền của đất*); anh viết về nỗi nhớ thương người yêu của anh lính xe tăng bằng một giọng thơ da diết: “Em ơi em, anh không sao viết kịp một dòng thư/ thương nhớ là gì mà anh mang nặng thế/ buồng lái xe tăng nóng bức thế này/ em chẳng đến được đâu, mở cửa lên vẫn nóng/ mở cửa lên là vòng trời cao rộng/ em ở đâu trong thương nhớ của anh/ em ở đâu đất trời không bờ bến... ” (*Đường tới thành phố*). Người ta thường nói đến tính chất dự báo của văn học. Ngay trong *Hồi âm* của trường ca *Đường tới thành phố*, Hữu Thịnh dường như đã linh cảm được, sau cuộc kháng chiến chống Mỹ, vấn đề biển đảo sẽ là một trong những vấn đề nóng bỏng, sống còn của Tổ quốc: “tôi đang đi trên đảo chẳng bình yên/ nghe rõ lắm lời tuyên ngôn của cát/ ném toi bồi trên da thịt nóng rang...”. Nhạy cảm, sớm nhận ra những vấn đề hệ trọng liên quan đến vận mệnh của đất nước, với một cảm hứng mãnh liệt, Hữu Thịnh đã dồn tâm huyết viết *Trường ca biển*. Qua hình tượng cát và hình tượng người lính đảo vừa song hành vừa bổ sung cho nhau, Hữu Thịnh đã nói lên một cách sâu sắc và thấm thía những tội cùng gian khổ cùng với sức chịu đựng phi thường của người lính đảo, và qua đó là sự

trường tồn của đất nước: “Biển có đảo biển dõ lặn lại mình/ Đảo có lính cát non thành Tổ quốc/ Đảo nhỏ quá nói một câu là hết/ Có gì đâu chỉ cát với chim thôi/ Cát và chim và thêm nữa chúng tôi...”; “Đảo hiện ra thử thách bạc màu/ Bàn chân lính đánh vằn trên đất đai Tổ quốc”; “Bóng chúng tôi che lên Đất Nước/ Giữ nguyên lời dặn của ông bà”; “Cát ở đây là tất cả/ Cát là tiền duyên cát là điểm tựa/ Nơi chạm súng đầu tiên chốt chặn sau cùng”, “Không có chỗ nào không có cát/ Không có điều gì không có cát”; “Cát và cát/ Ngày ngày lại mới/ Cát và cát/ Ngày ngày lại trắng/ Trắng như bàn tay trắng chúng tôi/ Úp lên số phận của bạn mình”; “Chúng tôi cùng nhau bói cát/ Dọn một chỗ nằm cho đồng chí hy sinh”... Và từ những hòn đảo “chỉ có cát với chim thôi”, cái nhìn của Hữu Thịnh về số phận của dân tộc, bản lĩnh và những hiểm nguy của người lính đảo trong thời hiện tại được cụ thể hóa qua một trường liên tưởng độc đáo bằng một câu thơ thần tình: “Đào rập rờn chìm nổi những quả cân/ Cân người lính và hiểm nguy người lính”, qua đó là sự hiểm nguy sống còn của Tổ quốc. Có thể nói, đất nước, tổ quốc, nhân dân, người lính là nguồn cảm hứng lớn, mãnh liệt và cũng thật tâm vóc trong thơ và trường ca Hữu Thịnh.

Cùng với hình tượng người lính, cái nhìn nói trên của Hữu Thịnh còn được thể hiện qua hình tượng người phụ nữ, những người mẹ, người vợ giàu đức hy sinh, chịu đựng biết bao đau khổ trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Bằng ngôn ngữ thơ giàu cảm xúc, với những nét vẽ như khắc như chạm, Hữu Thịnh đã tạc nên hình tượng người mẹ Việt Nam táo tợn, giàu lòng vị tha và đức hy sinh, gửi vào trong đó tình cảm sâu nặng và lòng biết ơn vô hạn của mình: “mẹ đang đi gánh rạ giữa đồng/ rạ chẳng nặng mà nặng nhiều vì gió/ xe gạo ầm ì vượt khẩu ngoài kia/ đã bao lần mẹ nuôi tôi như thế/ những cánh đồng in dấu chân của mẹ/ cứ ngày ngày ra khẩu lệnh cho tôi” (*Đường tới thành phố*); “tiếng mẹ ru ta cuối bãi đầu ghềnh/ mẹ đi gánh than mẹ thường gánh vãi/ nhem nhuốc cả ngày xanh/ cắn răng mà chịu/ bấm bùn mà đi/ giữ cho được tiếng mình/ cho em ngập ngừng khi buông gầu xuống giếng/ sợi dây chùng do dự trước trăng in” (*Đường tới thành phố*); “ngày mai chúng mình tiến vào thành phố/ chẳng có cách chi báo tin cho mẹ/ mẹ đỡ lo, đỡ thấp thỏm đôi bề/ ba đứa con có mặt trong này/ mấy cuộc chiến tranh mẹ gánh cùng một lúc/ mẹ ít ngủ mẹ thường thức khuya/ đêm nào cũng dài/ căn nhà có mười mét vuông/ làm lưng đến già còn bao nhiêu tất bật/ từ chịu đựng và neo đơn của mẹ/ bao việc làng

việc nước lớn dần ra" (*Đường tới thành phố*). Bên cạnh hình tượng người mẹ, Hữu Thịnh còn khắc họa thành công hình tượng người vợ phải sống trong nỗi cô đơn, mòn mỏi đợi chồng. Đây là cảnh ngộ người vợ được gợi lên qua mấy dòng thư của vợ đồng chí Tư lệnh: "vài dòng kể chuyện đầu đầu/ mình nghe tội nhất là câu cuối cùng/ *"chúng em chẳng sợ địch lùng/ đêm nằm sợ tiếng ru con trên đài"*. Còn đây là cảnh ngộ, là thân phận của người vợ sống trong vùng địch, đằng đằng hơn hai mươi năm trời chờ chồng tập kết: "thôi tết đừng về nữa chị tôi buồn/ thôi đừng ai mừng tuổi chị tôi/ chị tôi không trẻ nữa, xóm làng thương ý tứ vẫn kêu cô/ xóm làng thương không khoe con trước mặt/ hai mươi năm chị tôi đi đò đày/ cứ sợ đấm vì mình còn nhan sắc/ vẫn được tiếng là người đứng vậy/ nhưng anh tôi vẫn còn/ anh tôi che cho ngọn đèn khỏi tắt/ hai mươi năm áo gấm đi đêm/ chị màu mỡ mà anh tôi chẳng biết". Cảm thông và thấu hiểu hoàn cảnh trớ trêu của người vợ, giọng thơ Hữu Thịnh thấm đượm buồn thương. Hữu Thịnh đồng cảm sâu sắc với nỗi cô đơn của chị: "chị thiếu anh nên chị bị thừa ra/ trong giỗ tết họ hàng nội ngoại/ bao nhiêu tiếng cười vẫn cô cút một mình/ những đêm trở trời trái gió/ tay nọ ấp tay kia/ súng thon thót ngoài đồn dân vệ/ một mình một mâm cơm/ ngồi bên nào cũng lênh/ chị chôn tuổi xuân trong má lúm đồng tiền/ chị nhớ anh và mong anh như thế/ và chị buồn như bông điệp xé đôi/ bằng tuổi trẻ không bao giờ trở lại". Có thể nói, qua những dòng thơ giàu cảm xúc, tinh tế và sâu lắng viết về người lính, người mẹ và người vợ, ngòi bút Hữu Thịnh đã khắc họa thành công những hình tượng nghệ thuật tiêu biểu, thể hiện sâu sắc những tâm trạng điển hình trong những hoàn cảnh điển hình, đã "vượt lên khu rừng rậm rạp nhiều tầng của các sự kiện để khẳng định tầm vóc nhân dân và bản lĩnh dân tộc qua cuộc chiến tranh". Hữu Thịnh là nhà thơ sớm nhận ra và thể hiện sâu sắc vấn đề thân phận, số phận, những bi kịch của con người trong chiến tranh. Điều đó đã làm cho thơ anh hòa được vào dòng thơ vĩnh cửu của thơ ca nhân loại, chạm vào được nỗi buồn đau của con người, ngay trong khi nền văn học dân tộc vẫn còn âm vang giọng điệu sử thi. Nếu ví thơ thời kỳ chống Mỹ là dàn đồng ca thì thơ Hữu Thịnh không hát giọng cao mà là giọng trầm - một giọng điệu trầm lắng, tinh tế, sâu lắng, đầy xúc động. Anh đặc biệt nhạy cảm với nỗi đau, sự cô đơn, những bi kịch của người phụ nữ, những người mẹ và người vợ. Anh viết về họ bằng một tình yêu thương rất mực, cảm động chân thành, chan chứa yêu thương, biết ơn sâu sắc.

*

Từ cảm hứng sử thi, tập trung viết về đất nước, nhân dân, về người lính, đến tập thơ *Thu mùa đông* (1994), *Thương lượng với thời gian* (2005), sáng tác của Hữu Thịnh chuyển sang cảm hứng thế sự, đời tư, viết về tình yêu, về đời thường, những thân phận cá nhân trong “cõi người”. Tuy nhiên, đây không phải là sự đứt nối mà vẫn có sự tiếp nối, liền mạch. Trong những sáng tác mang cảm hứng sử thi, trong những trường ca, vẫn có một dòng chảy âm thầm của cảm hứng về thân phận con người được thể hiện trong những đoạn thơ, những câu thơ viết về nỗi đau, niềm cô đơn, bi kịch của những người phụ nữ. Chỉ có điều, từ *Thu mùa đông*, thế sự, đời tư mới thực sự trở thành cảm hứng chủ đạo của thơ Hữu Thịnh. Nếu trước đó, Hữu Thịnh nói về nỗi nhớ thương của người lính, nỗi buồn thương, cô đơn của người mẹ, người vợ thì giờ đây, với khuynh hướng tập trung vào đời sống cá nhân, khám phá cái “tôi” bản thể, anh nói nhiều đến nỗi buồn đau của mình, tự bộc lộ nỗi cô đơn của chính mình. Là một tâm hồn giàu cảm xúc, nhạy cảm trước nỗi đau của con người, với *cái nhìn hướng nội rất sâu, nhìn rất sâu vào tâm trạng con người*, Hữu Thịnh không khỏi buồn thương, chua chát, cay đắng trước những hiện tượng tiêu cực của xã hội, những mặt trái, những nhiều khê của cuộc sống trước đây bị che lấp trong chiến tranh thì giờ đây, do tác động mặt trái của cơ chế thị trường, thức dậy, vây quanh con người ở khắp mọi nơi. Một nỗi cô đơn, buồn thối thía bao trùm lên thơ Hữu Thịnh thời kỳ này. Trong *Lời thưa* - bài thơ mở đầu tập thơ *Thu mùa đông* -, Hữu Thịnh tự bộc lộ mình như một cái tôi cô đơn. Cái điệp khúc “Tôi ấy mà” như có gì dần dỗi với người, với đời, tạo nên một nhịp mạnh khiến cho tâm trạng cô đơn bao trùm cả bài thơ: “Tôi thường bị đám gai của hoa hồng xua đuổi/ Không có cách chi lọt vào mắt vô tình/ Trong tiệc lớn rượu nào ai cũng nhớ/ Tôi ấy mà, những chiếc cốc vô danh”, “Tôi ấy mà, một cống rạ bơ vơ”, “Tôi ấy mà cánh diều nhỏ cô đơn/ Với hạnh phúc tôi đứng ngoài song cửa/ Với chia tan tôi là khúc ca buồn”. Mang nặng nỗi niềm cô đơn, nhà thơ đi đến nơi nào, nhìn vào đâu cũng thấy cô đơn. Khi là nỗi cô đơn giữa đám đông, giữa cuộc đời đầy hiểm họa: “Buổi sáng thức dậy/ Mùa đã qua, mùa đã qua/ Những khung cây hoang vắng/ Đi qua nhiều mũ áo/ Để tìm một bàn tay/ Thấm mệt tôi ngồi nghỉ/ Bóng mát một chùm gai” (*Buổi sáng thức dậy*). Khi là nỗi cô đơn gắn liền với nỗi xót xa: “Anh phải nói vòng vo anh yêu biển/ Anh yêu trời để thú nhận yêu em/

Anh cứ khen người tốt đôi tốt lứa/ Để giấu đi bao nỗi xót xa thầm" (*Tạm biệt Sầm Sơn*). Lúc là tâm trạng cô đơn được thể hiện một cách trùng điệp, đầy ám ảnh, cô đơn trắng, cô đơn mặt trời, cô đơn bao trùm cả biển mênh mông trong *Thơ viết ở biển* - một bài thơ tình đặc sắc: "Anh xa em/ Trăng cũng lè/ Mặt trời cũng lè/ Biển vẫn cậy mình dài rộng thế/ Vắng cánh buồm một chút đã cô đơn...". Nhà thơ như phá nỗi niềm cô đơn của mình vào cả tượng Bay - on: "Tài tình chất một núi cao/ Tài không che kín khổ đau kiếp người/ Bay - on quay mặt vào tôi/ Còn ba mặt nữa ? Với người đâu đâu (...)/ Tự mình là cả núi non/ Vẫn không thoát khỏi cô đơn giữa trời" (*Trước tượng Bay - on*). Hơn một lần nhà thơ tự bộc lộ nỗi cô đơn, lạc lõng, buồn thương của mình: "Tôi như cây biết giấu lá vào đâu/ Giữa gió bụi kiếp người" (*Bóng mát*), "Tôi ngồi nhặt cỏ đếm buồn/ Gió đi tìm khói chon von mấy đời" (*Vô thanh*). Tâm trạng bao trùm trong thơ Hữu Thỉnh là cô đơn, là "một mình", là "đang dở": "Hoa đã bỏ đi rồi/ Mà bình còn đây gió/ Mỗi ngày anh có em/ Lại chông thêm đang dở" (*Đang dở*). Từ nỗi cô đơn của riêng mình, nhà thơ như muốn khái quát nên thành nỗi cô đơn của con người và tình trạng nhân thế của thời đại: "Tôi lặng bước dưới cây/ Hối hộp với món quà lạ mặt/ Cô đơn đầy đường không ai thềm nhặt/ Ngõ đứng trông người..." (*Đi dưới cây*).

Sự cô đơn, nỗi buồn của Hữu Thỉnh có nguyên do từ thời thế, từ thực trạng của xã hội ta từ khoảng sau năm 1980, khi mà đất nước chuyển từ thời chiến sang thời bình, từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp chuyển sang kinh tế thị trường. Cái chung, tinh thần dân tộc, ý thức gắn bó sâu sắc của cả cộng đồng trước vận mệnh chung của đất nước vốn là điểm tựa tinh thần của con người Việt Nam thời kỳ trước, giờ đây bị lung lay, bị đảo lộn. Nhạy cảm với bầu không khí mới của thời đại, những thay đổi của những hệ giá trị, những toan tính cá nhân của con người, tâm trạng Hữu Thỉnh nặng trĩu những buồn lo, chua chát. Trở đi trở lại trong thơ anh, đầy ám ảnh, hết: "Người than thở vì mất mùa nhân nghĩa" (*Tạp cảm*) đến "Đường nhân nghĩa chùng nào còn lấm bụi/ Anh hiểu vì sao tôi ít lời", rồi lại tiếp: "Giữa tiệc rượu và hoa, tương chùng không đúng lúc/ Nhắc đến nỗi đau những uất ức ở đời/ Làm sao được rượu hoa thường ít/ So với chia ly, gian dối, dập vùi" (*Chạm cốc với Xa - in*). Cũng có khi là nỗi phấp phỏng lo âu đầy bất trắc trước thời cuộc: "Con lốc đen đánh úp lá bàng/ Tôi cảm thấy mùa thu đang mất máu/ Một chút lửa hoa dong riềng cuối dậu/ Sợ một ngày sương muối đến đem đi" (*Trông ca biển*). Nỗi buồn, sự cô đơn và bất

hạnh cũng bao trùm, vang vọng trong bài *Nghe tiếng cuốc kêu*. Hữu Thịnh cảm nhận sâu sắc khoảng cách lớn, đầy mâu thuẫn giữa ước mơ khát vọng cao đẹp, trong lành với thực tại phũ phàng, chứa chất đầy bi kịch: “Cuốc kêu từ ngày em lay mẹ lay cha/ Đi theo một sợi tơ hồng/ Về với anh thành vợ thành chồng/ Tình yêu nhiều đứt nối (...)/ Em níu giường níu chiếu đợi anh/ Em tránh mặt những người con trai đẹp/ Đợi anh/ Chỉ mong anh về/ Áo rách cũng thơm/ Chiếc chạn nhỏ với vài đôi đũa mộc/ Anh cứ tưởng sau chiến tranh thì toàn là hạnh phúc/ Chúng ta đã từng vô võ đợi nhau/ Nhưng không phải em ơi, cuốc kêu không phải thế”, “Trưa nay có điều gì mà cuốc kêu như xé”, “Tôi cứ tưởng không ai còn xấu nữa/ Tôi cứ tưởng tốt với nhau bao nhiêu cũng còn chưa đủ/ Nhưng không phải, trời ơi, cuốc kêu không phải thế”. Có thể thấy, *tiếng cuốc kêu* là nhịp mạnh của bài thơ, càng lúc càng vang vọng, sâu lắng, từ tiếng kêu *em ơi* đến tiếng kêu *trời ơi* trong câu thơ kết của bài thơ. *Nghe tiếng cuốc kêu* là tiếng kêu thương ái oán của Hữu Thịnh, một con người tốt cùng cô đơn, chơi vơi trước cuộc đời. Từ nỗi buồn thương của mình, nhà thơ nhận ra, thậm chí nỗi buồn thương của những người ruột thịt, của những người thân thiết với anh: “Ra sông vớt đám cỏ rêu/ Cha tôi mang về những khúc ca trôi nổi/ Cây khế có thêm một vị buồn/ Sấm hứa hẹn chân mây mà cơn mưa bay mất (...)/ Mẹ tôi hát nghìn câu có một câu chưa hát/ Cha tôi gặp trăm điều có một điều chưa gặp./ Hạnh phúc/ Cây rom vẫn mơ thành đám mây vàng...” (*Hạnh phúc*). Có thể nói, thơ Hữu Thịnh viết về con người, về cuộc đời hiện tại thậm chí đượm buồn thương, chua chát.

Tâm hồn nhạy cảm của Hữu Thịnh như chiếc hàn thử biểu đo sự đổi thay của thời thế, của tâm trạng, của lòng người: “Sang thế kỷ với con tàu quá rộng/ Hoa hồng sang, gai nhọn cũng sang”, “Thương cảm, phản thù, khoan dung, thó lợ/ Vé trên tay thanh thân bước lên tàu” (*Sang thế kỷ*). Nhà thơ cảm thấy như bị *Nghẹn* trước cuộc đời này: “Có gì mới? Ngày đi hay cát đến?/ Có gì vui? Gió thổi lấy lòng cây/ Có gì bền? Nhân nghĩa có còn đây?”. Nhà thơ ghi lại những gì mình *Thấy*: “Dụng một kẻ ngấm đủ mặt cái ác/ Sống một ngày lợi qua cả kiếp người/ Ăn nói khó hơn yêu ghét khó hơn/ Đi suốt ngày đời vẫn nguyên chỗ cũ”. Trong *Một thoáng làm người*, nhà thơ nói đến hiện tượng cây “chồn gốc” muốn đổi bóng cho người, nhưng chỉ một lát, cây đã đòi bóng lại: “Mới một lát làm người/ Cây bỗng đòi bóng lại/ - Bão trời ta coi khinh/ Bão người không chịu nổi”. Từ cái nhìn về con người

và cuộc đời như thế, dồn nén và tích tụ rồi đến bùng nổ, bài thơ *Hỏi* ra đời như một lẽ tự nhiên mà tất yếu. Phải đặt bài thơ này trong cảm hứng chủ đạo của cả tập thơ *Thư mùa đông* mới thấy, đây là tâm trạng chân thật của Hữu Thỉnh, là nỗi niềm riêng của anh, thể hiện sâu sắc cái nhìn về con người và cuộc đời của anh:

Tôi hỏi đất: - Đất sống với đất như thế nào?

- Chúng tôi tôn cao nhau.

Tôi hỏi nước: Nước sống với nước như thế nào?

- Chúng tôi làm đây nhau.

Tôi hỏi cỏ: Cỏ sống với cỏ như thế nào?

- Chúng tôi đan vào nhau

Làm nên những chân trời.

Tôi hỏi người: - Người sống với người như thế nào?

Tôi hỏi người:

- Người sống với người như thế nào?

Tôi hỏi người:

- Người sống với người như thế nào?

Qua những vần thơ đượm buồn hòa với nỗi cay đắng, xót xa, Hữu Thỉnh đã gọi lên được phần nào sự đổi thay của tâm trạng, của lòng người, của con người và thời đại khi mà đất nước bước sang một thời kỳ mới. Nỗi buồn của Hữu Thỉnh trong những sáng tác thiên về khuynh hướng sử thi, vì có điểm tựa vững chắc là dân tộc, nhân dân nên buồn mà vẫn không rơi vào bi quan, bi lụy; còn nỗi buồn trong các bài thơ của anh viết về những thân phận cá nhân trong "cõi người", vì chỉ tựa được vào chính cái tôi của mình, nên không khỏi có lúc chông chênh. Điều đáng quý là, dù trong hoàn cảnh nào, Hữu Thỉnh cũng không buông xuôi. Anh đề cao thái độ sống bao dung, độ lượng: "Lấy khoan dung làm chiếc phao boi/ Khiến cay đắng cũng nhuốm màu tha thứ" (*Gửi người bộ hành lặng lẽ*). Nhân vật trữ tình trong thơ anh, dẫu gặp cảnh ngộ nào thì vẫn cứ đỉnh ninh lời khuyên của mẹ: - *Hãy yêu lấy con người/ Dù trăm cay nghìn đắng/ Đến với ai gặp nạn/ Xong rồi chơi với cây!"* (*Lời mẹ*). Đó là một triết lý sống của một con người nhân văn, hiếu đời và trải đời.

Nhìn một cách tổng quát, Hữu Thịnh là *nhà thơ của của nỗi buồn, nỗi lo và sự cô đơn của con người trong nhiều cảnh ngộ*. Anh nói đến nỗi buồn, sự cô đơn của người người mẹ, người vợ trong thời kỳ cả nước có chiến tranh, thể hiện sự cảm thông lạ lùng của một trái tim nhạy cảm trước nỗi đau, bất hạnh của người khác. Anh nói về nỗi buồn, sự cô đơn, bi kịch của chính mình, của những người thân thiết, qua đó làm hiện lên tâm trạng chung, trạng thái nhân thế của xã hội, của cả thời đại khi đất nước đã chuyển sang thời kỳ mới. Chỉ khi nào chạm đến những điều đó, thơ Hữu Thịnh mới thực sự sâu sắc, ám ảnh và hấp dẫn người đọc. Qua thơ và trường ca, Hữu Thịnh tự bộc lộ mình là một nhà thơ có biệt tài miêu tả tâm trạng, đồng cảm sâu sắc với nỗi đau thương, bất hạnh của con người. Đây là nét phong cách nổi bật, bền vững xuyên suốt các chặng đường thơ và trường ca Hữu Thịnh.

*

Hữu Thịnh có lần thổ lộ: “Tôi bị lắc giữa hai bờ hư thực” (*Đường tới thành phố*). Lê Thành Nghị nhận xét đúng đắn rằng: “Thơ Hữu Thịnh hòa trộn, chen lẫn thực và ảo”; “Trong thơ Hữu Thịnh, đặc biệt ở câu kết, thường xuất hiện nhiều bất thường, “phi lý” (...) tạo ra sự “gián đoạn” trong tiếp nhận người đọc (...). Đây chính là tư duy “cầu tính” phương Đông, khác với tư duy “tuyến tính” của phương Tây”; “Rất nhiều những câu thơ thực và ảo, có lý và phi lý tài hoa (...) trong thơ Hữu Thịnh, làm giàu chất biểu cảm, làm tăng sự quyến rũ, chạm đến sự tinh túy của thể loại thơ”³.

Là một tâm hồn nghệ sĩ phong phú, tinh tế và tài hoa, Hữu Thịnh đã đem đến cho nền thơ đương đại Việt Nam một cái nhìn riêng về thế giới và con người: *cái nhìn chập chờn ranh giới “giữa hai bờ hư thực”, giữa cái hữu hình và cái vô hình, tạo nên cái bất ngờ, vẻ đẹp huyền ảo của thơ ca*. Thể hiện cái nhìn này, Hữu Thịnh đã sử dụng đầy hiệu quả nhiều thủ pháp nghệ thuật. Khai thác tính chất đa nghĩa của từ ngữ, của âm thanh, trong nhiều trường hợp, Hữu Thịnh đã tạo ra được tình huống “song quan”, mở ra hai cánh cửa, hai khung trời thực và ảo, tạo nên sự mập mờ cố ý, dành một dư địa nhất định cho người đọc: “Anh đi tìm một ngày cau ấp bẹ/ Hoa ngủ mê trong lá mơ hồ” (*Im lặng*); “Bồ đề mùa lá rụng/ Bay mờ trong hư vô” (*Chăn - đa em ơi*). Nhờ có giác quan bên trong, giác quan của “linh hồn”, Hữu Thịnh có khả năng cảm nhận sự tương giao, tương ứng giữa các giác quan, cảm nhận được và diễn tả tinh tế bước đi của thời gian, gọi ra được cái mơ hồ, huyền ảo: “hoa bung biêng ơi, con lắc của mùa xuân/ rừng không ngủ vì những

hồi gõ tím" (*Đường tới thành phố*); "Bỗng nhận ra hương ổi/ Phả vào trong gió se/ Sương chùng chình qua ngõ/ Hình như thu đã về/ Sông được lúc dềnh dàng/ Chim bắt đầu vội vã/ Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu..." (*Sang thu*); "Đi hết cả chiều thu/ vẫn chưa về tới ngõ/ dùng dăng hoa quan họ/ nở tím bờ sông Thương/ nước vẫn nước đôi dòng/ chiều vẫn chiều lười hái/ những gì sông muốn nói/ cánh buồm đang hát lên" (*Chiều sông Thương*); "Thu ơi thu ta biết nói thế nào/ sương mỏng thế ai mà bình tĩnh được/ hứa hẹn bao nhiêu bầu trời trên giàn mướp/ lúc hoa vàng thu mới chập chờn thu" (*Bầu trời trên giàn mướp*). Hữu Thịnh là nhà thơ có biệt tài làm hiện hiện cái vô hình: "gió thổi dài ẩm ướt về khuya/ con sóng nói nhíp chèo cũng nói/ tiếng thì nghe mà mặt người chẳng thấy/ đêm căng như tờ giấy/ chia đều sang hai trang (...)/ đêm giáp ranh ngắt chuyện trò tâm sự/ chúng tôi bơi trong thương nhớ của riêng mình" (*Chuyến phà đêm giáp ranh*). Nhà thơ, khi thì tạo bất ngờ bằng cách chuyển dịch giữa thời gian và không gian, xáo trộn không gian với thời gian: "hai mươi năm anh khó nhận ra mình/ người trong ảnh bây giờ là Tư lệnh/ khoảng cách giữa anh và bức ảnh/ có bao bước đường những bà mẹ tiễn con" (*Đường tới thành phố*). Khi lại tạo bất ngờ bằng cách chuyển dịch điểm nhìn, từ cái nhìn hướng ngoại: "anh đi hái rau và đôi khi lại vấp...", đến cuối khổ thơ lại đột ngột chuyển sang cái nhìn hướng nội, diễn tả nỗi khao khát của người xạ thủ trung liên: "thèm một chỗ ngồi thư thả bóc măng" (*Đường tới thành phố*). Lúc lại tạo cái bất ngờ bằng cách đặt cái cụ thể bên cạnh cái trừu tượng, diễn tả thật tinh tế tâm trạng của con người: "tôi biết/ có lá thư anh vẫn chờ mong/ đang đuổi theo anh như đám mây đuổi nắng/ mẹ đang xếp lại cho anh bộn bề giá sách/ nhưng nhớ thương thì biết xếp vào đâu" (*Đường tới thành phố*). Sự thay đổi điểm nhìn, hướng nhìn như thế, vừa tạo nên sự bất ngờ thú vị vừa mở rộng không gian và thời gian thế giới nghệ thuật thơ và trường ca Hữu Thịnh.

*

Cái nhìn về thế giới và con người của Hữu Thịnh còn là cái nhìn *kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất dân gian và chất hiện đại*. Một cái nhìn, cách cảm phảng phất hơi thở của ca dao, dân ca nhưng tầm nhìn lại vươn tới cái mới mẻ, hiện đại. Nhiều bài thơ của Hữu Thịnh phảng phất hơi thở dân gian, dựa trên cái nền dân gian nhưng do biết tắm mình trong không khí của thời hiện tại, cắm sâu vào đời sống hiện đại nên toả ra ánh sáng, chất hiện đại, thể hiện tinh tế và sâu sắc tâm trạng, suy nghĩ của con người hiện đại.

Để thể hiện cái nhìn nói trên, Hữu Thịnh luôn có ý thức khai thác cái hay, cái đẹp và mượn lối diễn đạt của ca dao, dân ca. Chính Hữu Thịnh đã nói rõ điều này: “Tôi đến ngôi đền của thơ ca bằng hơi thở của dân gian”. Nhiều nhà phê bình văn học như Vũ Quần Phương, Nguyễn Thụy Kha, Lý Hoài Thu, Vĩnh Nguyên, Lê Thành Nghị... đều nhận ra đặc điểm này của thơ Hữu Thịnh. Vũ Quần Phương nhận xét đúng đắn rằng, ở Hữu Thịnh “cách cảm nghĩ gắn bó với truyền thống dân tộc” nhưng “mới trong suy nghĩ và rộng mở sức ôm chứa”, “quan tâm đến sự khái quát, quan tâm đến tính trí tuệ của thơ”⁴. Nguyễn Thụy Kha khẳng định: Hữu Thịnh “am hiểu nông thôn vừa cận kề, vừa tinh tế. Anh thổi hồn ca dao tục ngữ vào câu thơ nhẹ như làn hương vườn quê”⁵. Vĩnh Nguyên viết: “Chất dân gian thấm đẫm trong trường ca *Sức bền của đất*”. Lê Thành Nghị cho rằng: “Thơ Hữu Thịnh nhuần nhuyễn lối diễn đạt của ca dao, dân ca (...). Hữu Thịnh lược loại trong kho tàng ca dao dân ca, gạn lấy cái bóng bảy của lối nói giàu hình tượng, giàu nhạc điệu, giàu hình ảnh..., rồi tạo ra lối đi của riêng mình phảng phất phong vị dân gian trong ngôn từ hiện đại”⁶. Hữu Thịnh mượn chất liệu dân gian có chất lọc, vừa đủ độ, như là sự tạo đà rồi khơi sâu vào hiện thực đời sống của cái hôm nay, cái bây giờ, thổi tâm trạng, hồn mình vào đấy để cho lời thơ, ý thơ vươn lên tầm hiện đại. Nhiều câu thơ của Hữu Thịnh phảng phất phong vị ca dao, nhưng cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ thì đúng là của con người thời hiện đại, mang hơi thở và tinh thần hiện đại: “Con chim xanh mê trái lựu trước vườn/ Mùa hạ trôi qua từ ngày chim trốn tiếng” (*Trở lại mùa xuân*); “ngã ba, ngã bảy về đâu/ cái ngáng làm có cho nhau chuyện trò/ ngọn đèn bọc trong ống bọ/ cho em mò tó đến giờ trong tôi”; “anh nghe rõ những vì sao tít tắp/ tiếng bèn bi xa nào ai tát nước/ tiếng đều đều đầu đang kéo sa/ tiếng giục già, tiếng cồn cào nóng bỏng/ nhưng không phải tiếng em, không phải tiếng em mà/ *gió đầu gió mát sau lưng/ em không phải sau lưng/ em đang ngồi trước mặt/ bởi anh biết, em ơi anh biết/ cuối chặng đường là nỗi nhớ gặp nhau*” (*Đường tới thành phố*); “bóc hạt sen bùi gặp một tâm sen/ Tâm sen đắng mình ơi ta vẫn đợi/ Nếu em về đường sông gió sẽ thổi than thở bến đò/ Nếu em về đường mây con chim xanh sẽ cùng em ở lại” (*Trở lại mùa xuân*); “Trông ra bờ ruộng năm nào/ Mưa bay trắng cỏ, cào cào cánh sen/ Mẹ tôi nón lá bước lên/ Mạ non đầu hạ trắng liềm cuối thu (...)/ Xòe tay tính tháng tính năm/ Tính người ? Nào biết xa xăm cõi người/ Gié thơm ai đã gặt rồi/ Đồng quang bóng mẹ nắng nôi một

mình..." (*Trông ra bờ ruộng*). Do biết tạo nên cái bảng làng của không khí dân gian, do hiểu sâu sắc nông thôn, Hữu Thịnh đã tạo nên được trong thơ và trường ca của mình hình tượng người mẹ nông dân, người lính gốc nông dân - những đóng góp nổi bật của Hữu Thịnh đối với nền thơ đương đại Việt Nam. Do gắn bó sâu sắc với vùng quê của mình, chỉ một vài nét vẽ, nhà thơ đã dựng được khung cảnh và con người ở nông thôn. Đây là những câu thơ mở đầu trường ca *Sức bền của đất*: "Đom đóm bay ra hoa gạo đỏ/ Mẹ ở nhà đã cất áo bông ?/ Mẹ có ra bờ sông/ Qua bến đò tiền con dạo trước ?/ Đường xuống bến có mùi sáu bậc/ Mẹ nhớ thương đã bạc mái đầu...". Hình ảnh người mẹ hiện lên cụ thể và sinh động, là điển hình của người mẹ quê hương ta tần tảo, đói nghèo lam lũ: "Chong chóng quay đón mẹ dưới chân đò/ Tay mẹ héo ruộng bậc thang cấy rē/ Tôi đỡ lấy chiếc áo toi của mẹ/ Mụn cua cang bò trên máng sên con" (*Trường ca biển*). Hình ảnh người mẹ mỗi lúc lại được tô đậm, đây ám ảnh: "Mẹ là người chúng con thương nhớ nhất/ Đất nước ngày có giặc/ Mẹ vẫn đỏ miếng trầu/ Ấm một vùng tin cậy phía sau". Không am hiểu nông thôn, Hữu Thịnh không thể viết được những câu thơ này: "Cây vối đứng bờ ao, cặp thùng treo gác bếp/ Bờ muối để dành vằn cạnh bếp tro/ Cái cối cái chày đếm nhịp nhỏ to/ Bao truyền thuyết được kể ra từ đây... (...)/ Tre làm nhà ba năm mới vót/ Ót cựa gà ba vụ mới cay/ Trời có mưa có nắng/ Giếng có cạn có đầy/ Con gái ở bên không chê tẩm vá/ Con trai ở bên như đá muối dưa" (*Sức bền của đất*). Không hiểu sâu sắc nông thôn, Hữu Thịnh cũng không thể gọi lên được cảnh và người hồn nhiên, trẻ trung tươi tắn của một vùng quê: "Ta sang xóm Chùa/ Giếng đông người tắm/ Con gái con trai đàn ông đàn bà/ Họ chỉ mặc buổi chiều cho đỡ vương/ Anh và em cùng nhau đến tắm/ Đứng như khoai như sắn giữa đông người/ Anh ngó em/ Em cũng ngó anh/ Như bức vách nhìn vào bức vách" (*Sức bền của đất*). Không nặng ân tình, không gắn bó máu thịt, am hiểu con người và cảnh vật nông thôn, Hữu Thịnh không thể viết được những câu thơ hay gọi lên quá khứ buồn thương, xa xót của người lính gốc nông dân: "Tháng hai buồn tiếng thạch sùng kêu"; "Con đi mót gập toàn gốc rạ/ Chiếc nón mê tha thui giữa đồng/ Đồng vắng kiệt nằm than trong gió bắc"; "Đom đóm ơi đom đóm dẫn đi đâu/ Đêm là tàu lá sen che nửa phần trái đất/ Ấy là lúc những vì sao xa lắc/ Nối với tôi qua một sợi dây điều". Và đến khi thành người lính, những con người này dường như mang cả làng quê, cả nếp nghĩ và thói quen sinh hoạt thôn quê hàng ngày

của mình vào cuộc chiến đấu: “Tôi đã lớn để trở thành người lính/ Thọc đôi tay vào chiếc túi của rừng/ Chiến công đôi khi là tìm ra một thứ gì ăn được” (*Trường ca biển*); “giàn muốp nguy trang lúc lắc xe đi/ lúc nghỉ ngơi chui vào cua mang cá/ diệt cú điếm mò đầu bằng bóc vỏ/ phục kích bắt ngờ bắn giặc xóc xâu/ đánh bộc phá theo đội hình cuốn chiếu/ đột kích xe tăng đập rần trúng đầu/ mọi cách đánh đều lấy lời chỉ vẽ/ từ công việc ăn làm mộc mạc ngày xưa...” (*Sức bền của đất*). Chính sự hiểu biết sâu sắc, gắn bó máu thịt với quê hương đã góp phần tạo nên góc nhìn riêng, cái nhìn riêng của Hữu Thịnh về người mẹ nông dân, người lính gốc nông dân, qua đó nói lên được phần nào những đóng góp, những hy sinh to lớn của họ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, thể hiện khát vọng độc lập tự do, thống nhất đất nước của toàn dân tộc. Về phương diện này, có thể thấy, nhân vật trữ tình - hình tượng nhà thơ, con người “đồng dạng” của tác giả - là một con người nặng ân tình, am hiểu nông thôn và người nông dân, thể hiện sâu sắc cái nhìn đầy yêu thương và trân trọng người nông dân. Ngôi bút nhà thơ cắm rất sâu vào làng quê của mình, vùng đất quê hương của mình. Chỉ khi nào vừa gắn bó sâu nặng với quê hương vừa ngụp lặn sâu vào đời sống của dân tộc thời hiện tại, Hữu Thịnh mới viết nên được những câu thơ lay động lòng người. Dù đi đâu, làm gì, đâu sống trong hoàn cảnh nào, Hữu Thịnh cũng luôn khắc khoải với quê hương, không bao giờ quên cội nguồn của mình. Anh đã sớm nhận ra và tiếp bước con đường của những nhà văn, nhà thơ lớn khi biết gắn bó sâu nặng với vùng quê của mình, con đường của những Ngô Tất Tố, Nam Cao, Nguyễn Bình...

*

Hữu Thịnh quan niệm: “Muốn tươi mát hây tự là dòng suối/ hát về rừng đùng bắt chước tiếng chim” (*Đường tới thành phố*). Hữu Thịnh đã tạo được cho mình một giọng điệu của riêng mình - một biểu hiện của phong cách và đó cũng là một bằng chứng của tài năng thơ ca đích thực. Trong giàn đồng ca thơ thời kỳ chống Mỹ, giọng điệu Hữu Thịnh, như trên đã nói, không phải giọng cao mà là giọng trầm, và có những sắc thái riêng không lẫn với người khác. Đó là giọng thơ giản dị, tự nhiên mà thâm trầm, sâu lắng, đầy xúc động. Càng về sau, giọng điệu thơ Hữu Thịnh càng thâm trầm, sâu lắng, giàu chiêm nghiệm và triết lý.

Qua thơ và trường ca, Hữu Thịnh cũng đã tạo được cho mình ngôn ngữ nghệ thuật riêng. Đó là thứ ngôn ngữ thơ vừa khai thác có hiệu quả,

lựa chọn, chắt lọc ngôn ngữ của ca dao đồng bằng Bắc bộ vừa đào sâu vào bản thể tâm hồn mình, có khả năng diễn tả tinh tế, sắc sảo đời sống của con người trong đời sống hiện tại, đời sống chiến tranh và đời thường. Đó cũng là thứ ngôn ngữ thơ giản dị, chân xác, giàu hình ảnh và giàu sức biểu cảm. Xét đến cùng, ngôn ngữ nghệ thuật thơ chỉ thực sự hay khi nó thể hiện sâu sắc thời đại, cuộc sống và con người, có sự hòa hợp và thể hiện tốt nhất nội dung tư tưởng và thái độ, tình cảm của tác giả. Nó chỉ được coi là hay khi có được tính chất trong sáng, giản dị, sinh động và gợi cảm, chất chứa chất liệu đời sống và tình ý của con người. Ngôn ngữ thơ và trường ca Hữu Thịnh đã đạt được những yêu cầu khe khắt của ngôn ngữ thơ ca nói trên.

“Tự khám phá, tự phát hiện ra chính mình - Hữu Thịnh viết trong bài *Viết thêm về bài thi ra trường* - là cuộc hành trình vượt qua cánh rừng vô minh để đi tới chân trời của sự giác ngộ. Đó là một quá trình mò mẫm âm thầm, dò tìm vô cùng gian khổ. Phải dũng cảm lắm mới làm được. Vì độc đáo khó sống hơn mờ nhạt. Sống và viết như chính bản thân mình gian nan và mệt mỏi hơn làm thành viên vui vẻ của một dàn hợp xướng. Đương nhiên, tự phát hiện, tự khám phá là công việc không phải chỉ làm một lần mà xong, mà là sự phấn đấu gian nan suốt cả cuộc đời”. Hơn bốn mươi năm miệt mài sáng tạo, Hữu Thịnh đã khám phá, phát hiện ra “đặc sản tâm hồn” mình. Anh là nhà thơ có tư tưởng riêng và phong cách nghệ thuật độc đáo trong nền thơ đương đại Việt Nam.

¹ Hữu Thịnh: “Sự chuẩn bị của người viết trẻ”, in trong *Lý do của hy vọng*, Nxb. Hội Nhà văn, H., 2010, tr. 12

² Hữu Thịnh: “Viết thêm về bài thi ra trường”, in trong *Lý do của hy vọng*, Sđd, tr. 15.

³ Lê Thành Nghị: “Thơ Hữu Thịnh, lắng sâu từ trải nghiệm, ám ảnh từ chiêm nghiệm”, in trong *Bóng người trong bóng núi*, Nxb. Lao động, H., 2017, tr. 248, tr. 253, tr. 252.

⁴ Vũ Quần Phương: “Độc trường ca *Đường tới thành phố* của Hữu Thịnh”, in trong *Hữu Thịnh - trường ca*, Nxb. Hội Nhà văn, H., 2013, tr. 271 - 272.

⁵ Nguyễn Thụy Kha: “Độc *Trường ca biển* của Hữu Thịnh”, in trong *Hữu Thịnh - trường ca*, Sđd, 2013, tr. 308.

⁶ Lê Thành Nghị, “Thơ Hữu Thịnh, lắng sâu từ trải nghiệm, ám ảnh từ chiêm nghiệm”. Sđd, tr. 253 - 254.